

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 11 - 2023

V/v: Ly hôn giữa chị N và anh V.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Tiến Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Nhung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2023/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa V án ra xét xử số 164/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Trị, xã Yên Trị, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Đặng Văn V - Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Khang Giang, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa vắng mặt chị N, anh V.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Đặng Văn V vào ngày 17/01/2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không còn tôn trọng nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Tháng 3/2020 chị đã về gia đình bố mẹ đẻ để sinh sống, anh chị ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn với anh V. Chị và anh V không có con chung. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị N có sinh con là Trần Thái M, sinh ngày 13/10/2021. Chị N xác định cháu M là con riêng của chị với người khác, do sinh cháu trong thời kỳ hôn nhân với anh V nên chị khai sinh phần “tên người cha” là tên của anh V. Chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, anh V không có quyền lợi và nghĩa vụ gì với cháu M. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong hôn nhân không có, chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/10/2023, anh Đặng Văn V trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Anh phát hiện chị N có quan hệ tình cảm với người khác, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị N không sửa đổi. Tháng 10/2019 anh đi lao động ở Đài Loan, chị N vẫn có quan hệ bất chính với người khác, đầu năm 2020 chị N đã về gia đình bố mẹ đẻ đẻ sinh sống. Tháng 7/2022 anh về nước thì được biết chị N có sinh con tên là Trần Thái M, sinh ngày 13/10/2021, chị N cũng cho anh biết cháu M không phải là con đẻ của anh. Anh V xác định cháu M là con riêng của chị N, vì thời gian đó anh chị sống ly thân đồng thời chị N cũng cung cấp kết quả xét nghiệm ADN, kết luận cháu Trần Thái M có quan hệ huyết thống bố con với người khác. Chị N có đơn đề nghị ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị N. Anh V xác định anh và chị N không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì công việc bận nên anh không đến Tòa án để giải quyết vụ án được, anh V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt anh.

Do anh V vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Tổ tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị N thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Đặng Văn V chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đồng huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào ngày 17/01/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn phát sinh do tính cách vợ chồng trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống; chị N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh V từ năm 2020 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Con chung: Chị Trần Thị N và anh Đặng Văn V đều xác định không có con chung. Tuy nhiên trong thời gian sống ly thân với anh V, chị N có sinh cháu Trần Thái M, sinh ngày 13/10/2021. Anh V và chị N đều xác định là con riêng của chị N, chị N có trách nhiệm nuôi dưỡng, anh V không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với cháu M đồng thời không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Đặng Văn V không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường V Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị N và anh Đặng Văn V.

2. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002502, ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị Trần Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N và anh Đặng Văn V vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Đồng;
- Lưu: HS, VP.

(Đã ký)

**Vũ Tiến Mãn**